

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HỮU HIỆU CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● HUỲNH THỊ HƯƠNG THẢO - NGUYỄN THỊ KIM DUNG

## TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng để xác định, đo lường mức độ ảnh hưởng các nhân tố đến sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các trường cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Kết quả nghiên cứu cho thấy 5 nhân tố, bao gồm: môi trường kiểm soát (MT), đánh giá rủi ro (RR), hoạt động kiểm soát (KS), thông tin và truyền thông (TT) và giám sát (GS) đều có tác động cùng chiều (+) đến sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các trường cao đẳng trên địa bàn TP.HCM. Mức độ tác động của từng nhân tố theo thứ tự từ cao xuống thấp như sau: GS ( $\beta$  chuẩn hóa = 0.445), TT ( $\beta$  chuẩn hóa = 0.296), MT ( $\beta$  chuẩn hóa = 0.227), RR ( $\beta$  chuẩn hóa = 0.156), KS ( $\beta$  chuẩn hóa = 0.115). Từ kết quả đạt được, tác giả đề xuất hàm ý quản trị nhằm nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của các trường cao đẳng trên địa bàn TP.HCM.

**Từ khóa:** kiểm soát nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ, sự hữu hiệu, trường cao đẳng.

## 1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 29-NQ/TW của Đảng khẳng định: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội”. Phát triển giáo dục và đào tạo là điều kiện phát huy nguồn lực con người, yếu tố cơ bản để phát triển xã hội. Tại TP.HCM, bên cạnh sự phát triển của các cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng cũng đã góp phần cung cấp một lực lượng lao động lớn, đáp

ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của thành phố, cũng như của cả nước.

Trong những năm qua, các trường cao đẳng trên địa bàn TP.HCM đã đào tạo nguồn nhân lực với trình độ chuyên môn kỹ thuật ngày càng được nâng cao, lao động qua đào tạo cơ bản đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường. Cùng với công tác nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, công tác đổi mới hệ thống tổ chức, tăng cường quản lý tài chính, tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát tại các trường cao đẳng, trong đó đề cao vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc nâng cao hiệu

quả hoạt động, ngăn ngừa, giảm thiểu các hành vi gian lận, rủi ro làm thất thoát tài sản luôn được các trường quan tâm.

Với bất kỳ một tổ chức nào, việc khai thác hiệu quả và sử dụng tiết kiệm các nguồn lực nhằm đạt được những mục tiêu, sứ mạng đã đề ra luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu. Do đó, việc xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ là rất quan trọng. Một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu và hiệu quả sẽ là một công cụ hỗ trợ hữu ích giúp các trường có thể kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro, thúc đẩy hiệu quả hoạt động nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức.

## **2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết**

Theo báo cáo COSO (2013): Kiểm soát nội bộ (KSNB) là một quá trình được thiết lập bởi hội đồng quản trị, ban điều hành, cấp quản lý và các nhân sự của đơn vị nhằm cung cấp một sự đảm bảo hợp lý để đạt được các mục tiêu về hoạt động, báo cáo và tuân thủ. Luật Kế toán (2015) cho rằng: KSNB là việc thiết lập và tổ chức thực hiện trong nội bộ đơn vị kế toán các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Theo INTOSAI (2013): Kiểm soát nội bộ là một quá trình bị chi phối bởi nhà quản lý và các nhân viên trong đơn vị, được thiết lập để đối phó với các rủi ro và cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu chung của tổ chức.

Nhìn chung, các định nghĩa về KSNB đều thống nhất chung ở các điểm sau: KSNB là một quá trình, được thiết kế và vận hành bởi con người, đảm bảo tính hợp lý cho nhà quản lý và đảm bảo thực hiện mục tiêu của tổ chức. Theo báo cáo INTOSAI (2013), hệ thống KSNB bao gồm 5 thành phần sau:

- *Môi trường kiểm soát*: Môi trường kiểm soát của một tổ chức phản ánh thông qua các chuẩn mực, văn hóa, sắc thái chung, chi phối ý thức kiểm soát của các cá nhân trong tổ chức và những bộ phận liên quan của hệ thống KSNB. Nhà quản lý sẽ nâng cao được môi trường kiểm soát khi họ thiết lập

bằng văn bản các qui trình, chính sách, các giá trị đạo đức và tiêu chuẩn cư xử để nhân viên căn cứ thực hiện. Ngoài ra, họ cũng nâng cao được môi trường kiểm soát khi họ cư xử đúng mực để nhân viên làm gương và yêu cầu mọi người trong tổ chức đều phải tuân theo các chuẩn mực đã đưa ra.

- *Đánh giá rủi ro*: Đánh giá rủi ro là quá trình nhận dạng và phân tích những rủi ro ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu, từ đó có thể quản trị được rủi ro. Mỗi đơn vị luôn phải đối phó với hàng loạt rủi ro từ bên trong và bên ngoài. Kiểm soát nội bộ hỗ trợ tổ chức cách thức trong việc đánh giá rủi ro bên trong, cũng như bên ngoài, bao gồm: nhận dạng rủi ro, phân tích rủi ro, đánh giá rủi ro, xem xét mức độ thường xuyên xảy ra, cân nhắc làm thế nào quản lý rủi ro.

- *Hoạt động kiểm soát*: Hoạt động kiểm soát là những chính sách, phương thức đối phó với rủi ro và đảm bảo đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị. Hoạt động kiểm soát tồn tại ở mọi bộ phận trong tổ chức, để hoạt động kiểm soát hiệu quả cần thiết lập các thủ tục kiểm soát phù hợp, thống nhất, đáng tin cậy và liên hệ trực tiếp đến mục tiêu kiểm soát.

- *Thông tin và truyền thông*: Thông tin trong một tổ chức được thiết lập, duy trì và nâng cao năng lực kiểm soát thông qua việc hình thành các báo cáo để cung cấp thông tin trong và ngoài đơn vị. Thông tin được cung cấp thông qua hệ thống thông tin trên máy tính, hệ thống thủ công hoặc kết hợp cả hai. Để thông tin đáng tin cậy cần đạt được các yêu cầu sau: chính xác, kịp thời, đầy đủ và hệ thống, bảo mật.

- *Giám sát*: Giám sát là quá trình mà người quản lý đánh giá chất lượng của hoạt động kiểm soát. Quá trình giám sát nhằm đánh giá hiệu suất thực hiện các hoạt động, giúp kiểm tra hệ thống KSNB vận hành đúng như thiết kế và có cần thiết phải sửa đổi chúng cho phù hợp với từng giai đoạn hay không.

### **2.2. Mô hình nghiên cứu**

Mô hình nghiên cứu đề xuất được xây dựng dựa trên 5 nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ báo cáo INTOSAI (2013)

gồm: (1) Môi trường kiểm soát, (2) Đánh giá rủi ro, (3) Hoạt động kiểm soát, (4) Thông tin và truyền thông, (5) Giám sát.

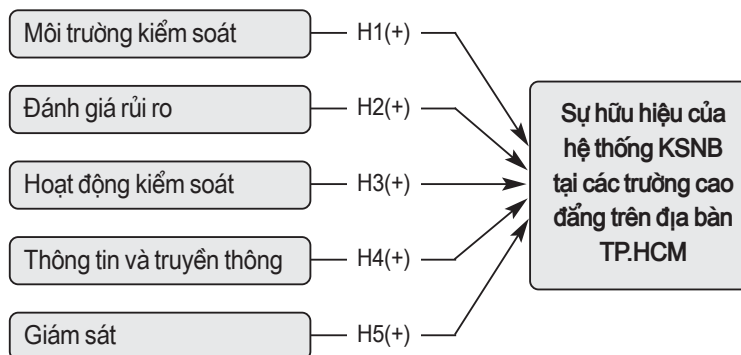
### 3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả thực hiện nghiên cứu định tính với các chuyên gia có kinh nghiệm quản lý ở các cấp, các bộ phận khác nhau trong các trường cao đẳng để có đánh giá tổng thể về môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát tại các trường cao đẳng trên địa bàn TP.HCM, phỏng vấn với các cá nhân có nhiều kinh nghiệm về KSNB và hệ thống KSNB được thực hiện trực tiếp thông qua phỏng vấn trực tiếp hoặc phỏng vấn qua điện thoại.

Theo Nguyễn Đình Thọ (2011), trong nghiên cứu định lượng, tùy theo phương pháp phân tích dữ liệu được sử dụng mà cỡ mẫu cần thu thập sẽ khác nhau. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA, do đó cần thu thập dữ liệu với kích thước mẫu ít nhất 5 mẫu trên 1 biến quan sát. Mô hình nghiên cứu tác giả đề xuất có 5 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc với 28 biến quan sát. Tác giả sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để đo lường các biến quan sát. Nếu theo tiêu chuẩn 5 mẫu cho một biến quan sát thì kích thước mẫu cần thiết là  $n = 28 \times 5 = 140$ . Vậy, tác giả chọn kích cỡ mẫu là 200 để đáp ứng được cỡ mẫu cần thiết.

Để phục vụ nghiên cứu, tác giả tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp nhằm kiểm định mô hình nghiên cứu. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phương pháp sâu thăm tài liệu, phương pháp phỏng vấn chuyên gia và gửi phiếu khảo sát. Nội dung bảng hỏi là các biến quan sát đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến sự hữu hiệu của hệ thống KSNB tại các trường cao đẳng trên địa bàn TP.HCM. Bảng câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ: 1 - Hoàn

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Tác giả tự đề xuất

toàn không đồng ý, 2 - Không đồng ý, 3 - Không có ý kiến, 4 - Đồng ý, 5 - Hoàn toàn đồng ý.

Đối tượng thu thập dữ liệu là Ban giám hiệu, kế toán trưởng/trưởng phòng kế toán, nhân viên kế toán, trưởng các đơn vị/phòng ban có liên quan đến hệ thống KSNB của các trường cao đẳng trên địa bàn TP.HCM. Mỗi trường sẽ khảo sát 5 - 7 người, tổng số bảng câu hỏi khảo sát phát ra là 200 bảng được gửi đến trực tiếp cho các đối tượng.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Bảng 1 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo đều có giá trị lớn hơn 0.6, cho thấy các thang đo đảm bảo độ tin cậy. Bên cạnh đó, các biến quan sát trong thang đo đều có hệ số tương quan biến - tổng lớn hơn 0.3, cho thấy các biến quan sát đều đảm bảo độ tin cậy. Như vậy, các

Bảng 1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

| STT | Thang đo                  | Số biến quan sát | Cronbach's Alpha |
|-----|---------------------------|------------------|------------------|
| 1   | Môi trường kiểm soát      | 5                | 0.845            |
| 2   | Đánh giá rủi ro           | 5                | 0.892            |
| 3   | Hoạt động kiểm soát       | 5                | 0.898            |
| 4   | Thông tin và truyền thông | 5                | 0.890            |
| 5   | Giám sát                  | 5                | 0.873            |
| 6   | Tính hữu hiệu             | 3                | 0.794            |

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 25.0

thang đo đảm bảo độ tin cậy để tiến hành phân tích nhân tố khám phá.

#### 4.2. Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA)

Phân tích nhân tố khám phá với các nhân tố độc lập: Hệ số KMO có giá trị là 0.823 lớn hơn 0.5 và nhỏ hơn 1. Như vậy, phân tích EFA là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Kiểm định Bartlett có giá trị Sig. là 0.000 nhỏ hơn mức ý nghĩa 5% (0.05) nên các biến quan sát có tương quan với nhân tố đại diện. Phân tích EFA trích ra được 5 nhân tố đại diện cho 25 biến quan sát trong các thang đo với giá trị Eigenvalues là 1.935 lớn hơn 1. Bên cạnh đó, giá trị tổng phương sai trích được là 69.635%, tức là 5 nhân tố đại diện được trích ra từ phân tích EFA giải thích được 69.635% phương sai của 25 biến quan sát trong các thang đo.

Phân tích nhân tố khám phá với nhân tố phụ thuộc: Hệ số KMO có giá trị là 0.699 lớn hơn 0.5 và nhỏ hơn 1. Như vậy, phân tích EFA là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Kiểm định Bartlett có giá trị Sig. là 0.000 nhỏ hơn mức ý nghĩa 5% nên các biến quan sát có tương quan với nhân tố đại diện. Phân tích EFA trích ra được 1 nhân tố đại diện cho 3 biến quan sát trong các thang đo với giá trị Eigenvalues là 2.127 lớn hơn 1. Bên cạnh đó, giá trị tổng phương sai trích được là 70.906%, tức là 1 nhân tố đại diện được trích ra từ phân tích EFA giải thích được

70.906% phương sai của 3 biến quan sát trong thang đo tính hữu hiệu.

#### 4.3. Phân tích hồi quy đa biến

Căn cứ vào Bảng 2, phương trình hồi quy bội của các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại các trường cao đẳng trên địa bàn TP.HCM như sau:

$$HH = 0.445 \times GS + 0.296 \times TT + 0.227 \times MT + 0.156 \times RR + 0.115 \times KS$$

#### 5. Kết luận và hàm ý chính sách

Theo kết quả nghiên cứu, nhân tố Giám sát ảnh hưởng mạnh nhất tới hệ thống KSNB với hệ số  $\beta$  chuẩn hóa = 0.445. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước. Điều này được phản ánh đúng với thực tế trong hoạt động của nhà trường, vì các trường cao đẳng là nơi đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, sản phẩm tạo ra là lực lượng lao động trí thức có chất lượng cao. Do đó, công tác quản lý chất lượng luôn được các trường quan tâm thực hiện thông qua việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên mọi hoạt động của nhà trường, đảm bảo hoạt động của nhà trường tuân thủ quy định của pháp luật đồng thời kịp thời phát hiện những điểm còn hạn chế của hệ thống KSNB, từ đó có biện pháp khắc phục, tạo môi trường tốt, điều kiện thuận lợi để cán bộ nhân viên làm việc và cống hiến, đảm bảo mọi hoạt động tại trường được kiểm soát một cách chặt chẽ.

**Bảng 2. Hệ số hồi quy mô hình**

| Biến số    | Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa |            | Hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta | t      | Sig.  | Thống kê cộng tuyến |       |
|------------|------------------------------|------------|------------------------------|--------|-------|---------------------|-------|
|            | Beta                         | Std. Error |                              |        |       | Tolerance           | VIF   |
| (Constant) | -0.319                       | 0.196      |                              | -1.629 | 0.105 |                     |       |
| MT         | 0.211                        | 0.041      | 0.227                        | 5.169  | 0.000 | 0.786               | 1.272 |
| RR         | 0.138                        | 0.042      | 0.156                        | 3.283  | 0.001 | 0.674               | 1.484 |
| KS         | 0.104                        | 0.040      | 0.115                        | 2.586  | 0.010 | 0.773               | 1.294 |
| TT         | 0.233                        | 0.034      | 0.296                        | 6.847  | 0.000 | 0.814               | 1.229 |
| GS         | 0.406                        | 0.039      | 0.445                        | 10.361 | 0.000 | 0.823               | 1.215 |

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 25.0

Ảnh hưởng mạnh thứ hai, theo kết quả nghiên cứu là nhân tố Thông tin và truyền thông với hệ số  $\beta$  chuẩn hóa = 0.296. Kết quả nghiên cứu phù hợp với lý thuyết thông tin hữu ích, theo đó thông tin và truyền thông tập trung vào chất lượng của thông tin mà được sử dụng dùng để báo cáo một cách hữu hiệu. Joseph & cộng sự (2015) cho rằng, thông tin và truyền thông là nhân tố không thể thiếu trong việc đánh giá tác động của KSNB đối với hiệu quả của hoạt động của doanh nghiệp. Hiện nay, hầu hết các trường đều thiết lập kênh truyền thông nội bộ thông qua hệ thống thông tin điện tử Egov. Các thông báo, lịch công tác đều được cập nhật thường xuyên giúp cán bộ, nhân viên được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời để thực hiện nhiệm vụ của mình và báo cáo kết quả cho cấp trên.

Tác động mạnh thứ ba đến hệ thống KSNB tại các trường là nhân tố Môi trường kiểm soát với hệ số  $\beta$  chuẩn hóa = 0.227. Kết quả nghiên cứu phù hợp với các nghiên cứu nước ngoài như Amudo & Inanga (2009), COSO (2013), INTOSAI (2013), Joseph & cộng sự (2015). Điều này phù hợp với thực tế tại các trường, vì môi trường kiểm soát mạnh bao gồm: tính chính trực, giá trị đạo đức được đề cao, phong cách lãnh đạo dân chủ, xây dựng những quy định về đạo đức, văn hóa ứng xử, công khai, minh bạch, cơ cấu tổ chức hợp lý, chính sách nhân sự hiệu quả sẽ là nền tảng để hệ thống KSNB đạt hiệu quả.

Tác động mạnh thứ tư đến hệ thống KSNB là

nhân tố Đánh giá rủi ro với hệ số  $\beta$  chuẩn hóa = 0.156. Kết quả nghiên cứu phù hợp với các nghiên cứu nước ngoài như Joseph & cộng sự (2015), điều này hoàn toàn phù hợp trong thực tế, bởi lẽ ngày nay các trường cao đẳng đã dần hoàn thiện việc nhận diện các rủi ro và đánh giá các rủi ro có thể xảy ra trong các hoạt động thường xuyên của nhà trường nhằm nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống KSNB của đơn vị. Đối với các trường đào tạo đa ngành, đa nghề hoạt động với quy mô lớn, các hoạt động ngày càng đa dạng và khối lượng công việc ngày càng lớn theo nhu cầu phát triển của nhà trường, nên việc đánh giá rủi ro cũng cần phải được quan tâm để duy trì tính hữu hiệu của hệ thống KSNB của nhà trường.

Cuối cùng, tác động yếu nhất đến hệ thống KSNB là nhân tố Hoạt động kiểm soát với hệ số  $\beta$  chuẩn hóa = 0.115. Kết quả nghiên cứu phù hợp với các nghiên cứu trong và ngoài nước. Amudo & Inanga (2009) đã kết luận hoạt động kiểm soát được thiết lập để đạt mục tiêu hoạt động của tổ chức. Còn theo Joseph & cộng sự (2015), hoạt động kiểm soát được sử dụng để ngăn ngừa những rủi ro đe dọa sự thành công của tổ chức. Trong quá trình hoạt động của các trường, hoạt động kiểm soát có vai trò quan trọng. Hiện nay, các trường đều xây dựng các quy định, nội quy, quy trình trong các hoạt động của đơn vị nhằm giảm thiểu rủi ro và đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm soát tốt, chặt chẽ sẽ giúp hệ thống KSNB hoạt động hiệu quả ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Amudo, A. & Inanga, E. L. (2009). Evaluation of Internal Control Systems: A case study from Uganda. *International Research Journal of Finance and Economics*, 27, 24-144.
2. COSO (2004). Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission. *Enterprise Risk Management - Integrated Framework*.
3. COSO (2013). Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission. *Guidance*.
4. INTOSAI GOV 9100 (2013). *Guidelines for Internal Control Standards for the Public sector*.
5. Joseph, O. N., Albert, O. & Byaruhanga, P. J. (2015). Effect of internal control on fraud detection and prevention in district Treasuries of Kakamega County. *International Journal of Business and Management Invention*, 4, 47-57.

6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Kế toán số 88/2015/QH13, hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

7. Trần Văn Tùng & Ngô Ngọc Nguyên Thảo (2021). Nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Tạp chí Tài chính, 2, 68-70.

**Ngày nhận bài: 29/3/2024**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/4/2024**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 3/5/2024**

*Thông tin tác giả:*

**1. TS. HUỲNH THỊ HƯƠNG THẢO**

Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

**2. NGUYỄN THỊ KIM DUNG**

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

## FACTORS AFFECTING THE EFFECTIVENESS OF THE INTERNAL CONTROL SYSTEM AT COLLEGES IN HO CHI MINH CITY

● Ph.D HUYNH THI HUONG THAO<sup>1</sup>

● NGUYEN THI KIM DUNG<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Ho Chi Minh City University of Industry and Trade

<sup>2</sup>Ly Tu Trong College

### ABSTRACT:

In this study, qualitative and quantitative research methods were used to determine and measure the influence of factors on the effectiveness of the internal control system at colleges in Ho Chi Minh City. The study's results showed that five factors, including control environment, risk assessment, control activities, information and communication, and monitoring, have positive impacts on the effectiveness of internal control systems at colleges in Ho Chi Minh City. These factors, listed in the descending order of impact, are monitoring (standardized  $\beta = 0.445$ ), information and communication (standardized  $\beta = 0.296$ ), control environment (standardized  $\beta = 0.227$ ), risk assessment (standardized  $\beta = 0.156$ ), and control activities (standardized  $\beta = 0.115$ ). Based on the study's findings, some management implications were proposed to improve the effectiveness of internal control systems at colleges in Ho Chi Minh City, contributing to strengthening colleges' management efficiency.

**Keywords:** internal control, internal control system, effectiveness, college.